

KINH TẾ - XÃ HỘI**TÁC ĐỘNG CỦA NAFTA
ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI MEXICO****Lê Thu Hằng***Viện Nghiên cứu Châu Mỹ***I. Giới thiệu**

Hiệp định thương mại tự do có mục đích giúp các nền kinh tế thành viên tận dụng được những lợi thế của quốc gia để tiếp tục phát triển và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Hiệp định tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA) được ra đời cũng không nằm ngoài mục đích trên. Được ký kết giữa ba nước Mỹ, Canada, Mexico và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/1994, NAFTA hướng tới xoá bỏ thuế quan và một số rào cản thương mại khác. NAFTA chủ trương tăng số lượng việc làm và mức lương ở Mexico nhằm ngăn chặn tình trạng di cư ồ ạt sang Mỹ và Canada. 10 năm đã trôi qua kể từ khi NAFTA bắt đầu có hiệu lực và giờ đây, các chuyên gia trong giới hoạch định chính sách, học giả, thương gia và chính trị đang nghiên cứu những tác động của NAFTA đến Mexico. Để đánh giá hiệu quả của NAFTA, những vấn đề cần được quan tâm hàng đầu là: Liệu NAFTA đã thực hiện cam kết tăng việc làm? Tỷ lệ thất nghiệp trong 9 năm qua có giảm không? Mức lương tối thiểu ra sao? Tỷ lệ di cư có giảm không? Tỷ lệ lạm phát như thế nào? và tỷ trọng xuất khẩu của Mexico có tăng không? Mục đích chính của bài viết này là đánh giá những tác động của NAFTA đến nền kinh tế và xã hội của Mexico. Nếu NAFTA thực sự kích thích và giúp ổn định nền kinh

tế - xã hội Mexico, nó sẽ đưa Mexico trở thành một nước đang phát triển kiểu mẫu với khả năng thoát khỏi nợ nần và suy thoái bằng con đường tự do hoá thương mại. Ngược lại, nếu NAFTA tác động tiêu cực nhiều hơn đến Mexico, giải pháp sử dụng hiệp định thương mại tự do làm cứu cánh sẽ khó được chấp nhận rộng rãi trong các nước đang phát triển.

II. Nền kinh tế Mexico trước khi tham gia NAFTA

Cuối thập kỷ 1960, do lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế, Mexico đã nhận thức phải thay đổi mô hình phát triển của họ. Sau cuộc Đại suy thoái, xuất khẩu của Mexico đến Mỹ và các nước công nghiệp khác giảm liên tục, dẫn đến tình trạng thiếu ngoại tệ cần thiết để mua hàng chế tạo, do đó Mexico đã thực hiện chiến lược phát triển công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu. Tuy nhiên, chiến lược phát triển hướng nội này đã gặp trở ngại từ cuối thập kỷ 1960 do thâm hụt tài khoản vãng lai và nợ nước ngoài chồng chất. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ lệ lãi suất trên thế giới tăng đột biến cùng với giá dầu giảm đã buộc chính phủ phải huy động các nguồn tài chính cần thiết để duy trì sự tồn tại của họ. Chính sách phát triển trước đây của chính quyền Luis Echeverria (1970-1976) và chính quyền Jose Lopez

Portillo (1976-1982) đã thất bại, khiến nền kinh tế quốc gia ngày càng tụt dốc. Theo Bảng 1, lạm phát và tỉ giá hối đoái ngày một tăng đã chứng tỏ điều đó, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiều khu vực kinh tế.

Bảng 1. Các chỉ số kinh tế quan trọng của Mexico giai đoạn 1981-1988

	1981	1982	1983	1984	1985	1986	1987	1988
Tăng trưởng GDP (%)	8,77	-0,62	-4,20	3,61	2,59	-3,74	1,86	1,24
Lạm phát (%)	28,0	58,9	101,9	65,4	57,7	86,2	131,8	114,2
Cân cân thương mại/GDP (%)	-1,5	4,0	9,2	7,4	3,9	2,9	5,1	0,2
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	-6,4	-3,6	3,6	2,4	0,2	-1,4	2,7	-1,7
Tỉ giá hối đoái (Peso/USD)	24,51	57,44	120,17	167,77	256,96	611,35	1366,72	2550,28
Tổng nợ nước ngoài (tỉ USD)	31,9	52,5	66,4	57,1	55,2	82,6	82,3	60,9

Nguồn: WEFA, World Economic Service Historical Data, June 1995.

Trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1988, ứng cử viên đảng cầm quyền Salinas de Gortari đã đắc cử. Trước tình hình đó, nhiệm vụ của chính quyền Salinas là phải tạo ra một môi trường làm nền tảng cho sự tăng trưởng bền vững. Cuộc khủng hoảng nợ đã thực sự kết thúc kể từ khi chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu phát huy hiệu lực. Các nhà chiến lược trước đây với tư tưởng hướng ngoại đã thất bại vào năm 1981 khi đề xuất tham gia Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) trước sự phản đối của các nhà tư bản công nghiệp do họ chủ yếu dựa vào sự bảo hộ của chính phủ trước cạnh tranh quốc tế. Tuy nhiên, năm 1986, Mexico chính thức là thành viên của GATT, đánh dấu thời kỳ chấm dứt chiến lược phát triển công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu trước đây. Những năm sau đó, chính quyền Salinas bắt đầu cắt giảm thuế nhập khẩu, các loại giấy phép nhập khẩu và tiến tới từng bước tự do hoá các thị trường của Mexico. Chiến lược phát triển hướng ngoại mới ra đời buộc Mexico phải thúc đẩy hơn nữa khả năng cạnh tranh để thâm nhập vào thị trường

quốc tế. Do vậy, thương mại tự do với Mỹ sẽ hỗ trợ cho chiến lược mới này và đẩy nhanh tiến trình tự do hoá.

Chủ trương của chính quyền Salinas là tiến tới thương mại tự do với Mỹ và Canada để thực hiện ba mục tiêu chính của Mexico. *Thứ nhất*, do Mỹ là nền kinh tế lớn nhất trên thế giới nên thương mại tự do với Mỹ sẽ hỗ trợ cho chiến lược phát triển hướng vào xuất khẩu của Mexico, làm động lực quan trọng nhất để duy trì tăng trưởng kinh tế trong thập kỷ đầu thế kỷ 21. *Thứ hai*, với lợi thế vị trí địa lý gần Mỹ, nguồn lao động dồi dào, chi phí thấp, Mexico sẽ trở thành điểm đầu tư hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài và tiếp tục thu hút đầu tư trong nước. *Thứ ba*, một hiệp định thương mại tự do sẽ có vai trò như một cam kết làm tăng cường sự tin tưởng quốc tế vào các chính sách cải cách của Mexico để tham gia vào các khối kinh tế khu vực.

So với những cải cách ôn hoà của chính quyền Miguel de la Madrid, chính sách cải cách kinh tế của chính quyền Salinas mang dấu ấn của một cuộc cách mạng. Ông đã tự do hoá chế độ thương mại của Mexico, cổ phần hoá các doanh nghiệp lớn thuộc quyền quản lý nhà nước, trong đó có công ty mạnh nhất

như Teléfonos de México (TELMEX) và mạnh dạn nói lỏng một số qui chế, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư nước ngoài. Các cải cách tân tự do của ông đã mở đường cho khu vực tư nhân trở thành khu vực có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Nền kinh tế Mexico đã dần phục hồi và đi vào ổn định nhờ có các cam kết chặt chẽ giữa chính phủ và các

thành phần kinh tế. Trước đây, Mexico là một trong những nền kinh tế đóng cửa nhất nhưng nay đã là một trong những nền kinh tế mở cửa nhất. Mexico đã thay đổi từ mô hình thay thế nhập khẩu sang mô hình tăng trưởng nhờ xuất khẩu, trong đó Mexico đang tìm cách thâm nhập và hội nhập tốt hơn vào các thị trường toàn cầu.

Bảng 2. Các chỉ số kinh tế quan trọng của Mexico giai đoạn 1988-1994

	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994
Tăng trưởng GDP(%)	1,2	3,3	4,4	3,6	2,8	0,4	3,1
Lạm phát (%)	114,2	20,0	26,7	22,7	15,5	9,8	7,0
Cân cân thương mại/GDP (%)	0,2	-1,3	-1,8	-3,9	-6,3	-5,3	-6,3
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	-1,7	-2,9	-2,9	-4,8	-7,5	-6,4	-8,3
Tỉ giá hối đoái (Peso/USD)	2550,3	2453,2	2807,3	3017,9	3094,4	3,11	3,37
Tổng nợ nước ngoài (tỉ USD)	101,8	95,3	104,3	116,6	117,6	131,9	142,6
Dự trữ quốc tế (tỉ USD)	5,3	6,3	9,9	17,7	18,9	25,1	6,3

Nguồn: WEFA, World Economic Service Historical Data, June 1995.

Tuy nhiên, trong cuộc thương lượng ký kết NAFTA, ba ngành đặc biệt gây tranh cãi ở Mexico gồm:

1) Ngành dệt: Ước tính có khoảng 850.000 công nhân làm trong ngành dệt may của Mexico, và đây sẽ là một trong những ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất. Hệ thống máy móc, nhà xưởng của ngành rất lạc hậu và tồn tại được chủ yếu nhờ chế độ bảo hộ của nhà nước.

2) Ngành xe hơi: đây là ngành quan trọng thứ hai trong nền kinh tế Mexico, sau ngành dầu lửa. Do Mexico là nhà xuất khẩu lớn các loại xe hơi, xe tải nhỏ và linh kiện ô tô nên người ta lo ngại rằng các nhà máy xe hơi từ Mỹ sẽ di chuyển sang Mexico.

3) Ngành nông nghiệp: Mexico có khoảng 25% lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp mặc dù lực lượng này đóng góp chưa đến 10% vào GDP. Tự do hoá thương mại phải hết sức thận trọng và diễn ra từ từ trong

ngành vì nó có thể ảnh hưởng xấu đến xã hội, chính trị.

NAFTA cũng đưa ra những vấn đề về năng lượng. Mặc dù Mexico vẫn cố gắng nắm chủ quyền về các nguồn dầu lửa chính, nhưng cũng đã mở cửa ngành hoá dầu ở một số khu vực cho đầu tư và ngoại thương.

Giao thông đường bộ và các dịch vụ tài chính, môi trường cũng được quan tâm. Đặc biệt, vấn đề môi trường được xây dựng thành một chương trong NAFTA đã làm cho NAFTA trở thành hiệp định tiên phong về vấn đề này.

Nhìn chung, NAFTA đánh dấu một sự thay đổi lớn diễn ra ở Mexico đầu thập kỷ 1990. Xét về mặt kinh tế, Mexico là nước nhỏ nhất trong ba nước thành viên nên chắc chắn NAFTA sẽ có tác động mạnh nhất đến Mexico. Phần viết dưới đây được chia làm hai phần chính, xem xét những tác động tích cực và tiêu cực của NAFTA đến Mexico.

III. Tác động tích cực của NAFTA với Mexico

1. Xuất khẩu

Một trong những mục tiêu ban đầu của Mexico khi tham gia NAFTA là đưa Mexico trở thành một cường quốc xuất khẩu. Cách đây đúng một thập kỷ, Mexico xếp thứ 26 trên thế giới trong số các nhà xuất khẩu lớn, nhưng đến cuối năm 2000 đã đứng thứ 5 với hơn 300 tỉ USD trị giá xuất khẩu. Nhờ đó mà Mexico đã có khả năng đa dạng hoá các loại hàng xuất khẩu. Trong thập kỷ qua, tỉ trọng hàng chưa qua chế biến trong tổng số hàng xuất khẩu giảm từ 80% xuống 15%. Sự thay đổi này đã tạo cho Mexico một thế đứng khác với các nước vẫn tiếp tục phụ thuộc vào xuất khẩu hàng thô ngay cả khi giá của các mặt hàng này giảm⁽¹⁾.

Từ khi có NAFTA, thuế suất trung bình của Mỹ đánh vào các sản phẩm của Mexico giảm từ 3,3% xuống 1,1% trong khi mức thuế này của Mỹ đối với sản phẩm của các nước được hưởng tối huệ quốc giảm từ 5,7% xuống 4,3%. Các thị trường Canada mở cửa cho hàng hoá của Mexico với mức thuế trung bình giảm từ 2,4% xuống 0,9%. Đặc biệt, thuế đánh vào hàng chế tạo nhập khẩu tới Mỹ được giảm từ 5,8% xuống chỉ còn 1%. Điều này đã làm tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá Mexico trên thị trường Mỹ so với hàng hoá các nước khác. Đồng thời, thuế nhập khẩu của Mexico cũng đã giảm từ mức trung bình 11% trước NAFTA xuống 5%.

Xuất khẩu của Mexico vào Mỹ tăng từ 39,9 tỉ USD năm 1993 lên 94,7 tỉ USD năm 1998, tăng 137% với tốc độ trung bình hàng năm là 18,9%. Cũng trong thời gian này, xuất khẩu của Mexico vào Canada đạt 5,1 tỉ USD với tốc độ tăng hàng năm 12%. Tổng khối lượng xuất khẩu của Mexico tăng từ 51,8 tỉ USD năm 1993 lên 117,5 tỉ USD năm 1998, tăng 127% với tốc độ hàng năm là 17,8%. Điều này trái ngược hoàn

toàn với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chậm chạp của Mexico trong thời kỳ 1986-1993 là 13%. Do xuất khẩu tới Mỹ và Canada chiếm 84,9% tổng khối lượng xuất khẩu của Mexico nên không thể phủ nhận rằng NAFTA là sự mở đường cho Mexico trở thành một nhà xuất khẩu lớn trên thế giới và đứng thứ nhất khu vực Mỹ Latinh.

Trong khi đó, nhập khẩu của Mexico từ Mỹ và Canada tăng với tốc độ trung bình hàng năm là 14,5%. Thương mại giữa Mexico và Mỹ tăng vọt từ 85 tỉ USD năm 1993 đến 188 tỉ USD năm 1998, giữa Mexico và Canada tăng từ 4,1 tỉ USD lên 7,5 tỉ USD trong cùng thời kỳ. Mexico đã đạt thặng dư thương mại với Mỹ là 1,5 tỉ USD năm 1997 và 8 tỉ USD năm 1998. Tháng 9/1998, Mexico đã vươn lên ngang hàng Nhật Bản và trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Mỹ về thị trường xuất khẩu.⁽²⁾

Do NAFTA có sự phân biệt đối xử rõ rệt với các nước ở những khu vực khác, nên Mexico rất thuận lợi để tiếp cận và khai thác triệt để thị trường Mỹ. Năm 1996, Mexico đã đuổi kịp Trung Quốc và trở thành nhà cung cấp hàng dệt may chủ yếu cho Mỹ. Quan trọng hơn nữa, quan hệ thương mại ngành dệt may giữa Mỹ và khu vực Trung Mỹ/Caribê đã được chuyển thành thương mại giữa Mỹ và Mexico. NAFTA cho phép hàng may mặc sản xuất tại Mexico thâm nhập vào Mỹ được hưởng miễn thuế nhập khẩu và miễn hạn ngạch, và ngược lại đối với hàng may mặc được sản xuất tại Mỹ.

2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Một trong những cải cách chính sách lớn dưới chính quyền Salinas là khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Tính đến cuối năm 2002, FDI vào Mexico đã tăng từ 3,2-14,5 tỉ USD/năm.⁽³⁾ Vào tháng 5/1989 và tháng 12/1993, chính phủ Mexico đã mở rộng những khu vực được phép nhận FDI và tự do hoá các quy định có liên quan, làm nền tảng cho chính

sách FDI của Mexico. NAFTA không chỉ đề cao địa vị pháp lý của các nhà đầu tư mà trong Chương 11 của NAFTA còn đưa ra một cơ chế giải quyết tranh chấp giữa các nhà đầu tư và nước sở tại. Hiến pháp Mexico vẫn duy trì điều khoản Calvo trong Chương 27, yêu cầu đối xử công bằng với các nhà đầu tư nước ngoài như công dân nước sở tại và nếu gặp tranh chấp, họ có quyền trình khiếu nại cho các toà án địa phương. Tuy nhiên, theo Chương 11 của NAFTA, Mexico vẫn cho phép trọng tài nước ngoài thay thế các toà án địa phương để giải quyết tranh chấp phát sinh với các công ty người ngoài. Chính điều này đã thúc đẩy môi trường FDI ở Mexico.

Mexico trở thành một khu vực sản xuất đầy hấp dẫn không chỉ với các nhà đầu tư Mỹ, Canada mà còn với các công ty đa quốc gia Châu Âu và Châu Á. Từ khi khởi đầu các cuộc đàm phán NAFTA năm 1991, Mexico đã tăng nhanh luồng FDI, đạt 12,4 tỉ USD năm 1994, gấp đôi so với năm 1993. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng đồng peso tiếp theo đã làm nản lòng các nhà đầu tư. Mặc dù FDI trung bình hàng năm lên tới 10,8 tỉ USD trong suốt thời kỳ 1994-1998 so với 3,7 tỉ USD thời kỳ 1989-93, nhưng vai trò nước nhận đầu tư của Mexico trong khu vực Mỹ Latinh đã suy giảm trước một số nước Nam Mỹ khác. Mexico chiếm hơn 1/3 tổng FDI ở Mỹ Latinh đến năm 1994, nhưng lại nhanh chóng giảm xuống 1/3 năm 1995, 1/4 năm 1996 và gần 1/5 năm 1997, 1998. Năm 1999, Mexico chỉ nhận được 10 tỉ USD

trong khi mức kỷ lục của khu vực lên tới 75,4 tỉ USD. Các chương trình tư nhân hoá ở Brazil và Argentina đã thu hút khối lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài vào khu vực Nam Mỹ. Đặc biệt, Argentina đã vượt Mexico với 21 tỉ USD FDI, trong đó đóng góp chủ yếu là từ dầu xuất khẩu của công ty Argentina YPF cho công ty Repsol của Tây Ban Nha.

Điều này không có nghĩa Mexico không còn sức hấp dẫn nữa, mà đúng hơn họ không còn là nơi hấp dẫn duy nhất. Tự do hoá, tư nhân hoá và hợp nhất khu vực giữa Brazil và các nước phía nam đã làm phân tán sự chú ý của các nhà đầu tư. Nhưng cùng với NAFTA, các biện pháp cải cách kinh tế và khắc phục hậu quả của cuộc khủng hoảng đồng peso, nền kinh tế Mexico đã phục hồi nhanh từ cuối năm 1995, góp phần làm tăng tiêu dùng trong nước và thu hút thêm đầu tư nước ngoài.

NAFTA đã làm thay đổi Mexico thành một cơ sở sản xuất ổn định phụ tùng và linh kiện cho các tập đoàn của Mỹ và Canada. FDI chủ yếu được tập trung tại một số khu vực như Yucatan, Oaxaca, Tlaxca và Puebla là những nơi có ưu thế về lao động rẻ và mật độ dân số cao. Ngành may mặc đặc biệt phát triển ở những bang này. Bên cạnh đó, Mexico thực sự trở nên hấp dẫn với các nhà đầu tư Nhật bản. Họ không chỉ quan tâm đến khả năng tiêu thụ ở thị trường Mexico mà còn sử dụng Mexico làm cửa ngõ vào thị trường Mỹ và Canada.

Bảng 3. Các luồng FDI vào các nước thành viên NAFTA

(Đơn vị: triệu USD Mỹ)

	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998
Mỹ	22,799	18,885	43,534	45,095	58,772	76,453	109,264	193,375
Canada	2,740	4,777	4,749	8,204	9,259	9,411	11,465	16,500
Mexico	4,726	4,393	6,751	12,362	9,526	9,186	12,831	10,258

Nguồn: UNCTD, *World Investment Report 1999: Foreign Direct Investment and the Challenge of Development*, 1999.

3. Năng suất và hiệu quả phúc lợi xã hội

Trước đây, chủ nghĩa kinh tế biệt lập của chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu là nguyên nhân làm giảm năng suất lao động do các khoản chi tiêu công cộng lớn như trợ cấp cho chính phủ và bảo hộ thị trường trong nước. Điều này đã tác động trở lại, tạo ra một nền sản xuất kém về chất lượng. Ngược lại, hệ thống kinh tế mới với quá trình nới lỏng quy chế, tự do hoá và triển khai NAFTA đã làm tăng năng suất công nghiệp trong nước trong một môi trường cạnh tranh mạnh hơn. Tính từ năm 1980 đến năm 1988, mức tăng năng suất công nghiệp là 10,9% so với

35,2% của Mỹ trong cùng thời gian. NFATA được đánh giá là đã tạo đà cho xu hướng tăng năng suất này tiếp tục phát triển.

Bên cạnh đó, nguồn FDI tăng nhanh sẽ cho phép người tiêu dùng Mexico có được các sản phẩm trong và ngoài nước phong phú hơn về chất lượng với giá thành thấp. Điều này sẽ có thể đem lại hiệu quả về phúc lợi cho người dân. Nhìn chung, một chế độ thương mại tự do tốt sẽ đem lại sự ổn định cho nền kinh tế vĩ mô và nâng cao mức sống cho đa số người dân, song chúng ta còn phải xét đến khía cạnh khác để đánh giá NAFTA có thực sự là một chế độ thương mại tối ưu với nền kinh tế Mexico hay không.

Bảng 4. Năng suất lao động trong khu vực sản xuất của Mexico (1980=100)

Năm	Chỉ số năng suất		Tỷ lệ (%)
	Mexico	Mỹ	Tỷ lệ chỉ số năng suất Mexico/Mỹ
1980	100	100	100
1985	106,7	122,6	87
1986	104,3	125,7	83
1987	107,1	130,6	82
1988	110,9	134,5	82
1989	118,7	138	86
1990	126,2	143,4	88
1991	133,4	145	92
1992	141,0	146,9	96
1993	152,7	154,2	99

Nguồn: Jonathan Heath, *The Post-NAFTA Political Economy: Mexico and the Western Hemisphere* (University Park: The Pennsylvania State University Press, 1988), trang 189-190.

IV. Tác động tiêu cực của NAFTA với Mexico

1. Mất việc làm trong khu vực sản xuất và mức lương trung bình giảm

Ngay từ năm đầu thực hiện NAFTA, 40% các nhà sản xuất quần áo của Mexico phải đóng cửa do hàng nhập khẩu giá rẻ của Trung Quốc và Đông Nam Á được bán tràn lan tại các cửa hàng bán lẻ ở Mexico. Ngành công

ngiệp sản xuất đồ chơi, hàng da và giày dép của Mexico cũng bị tổn thương. Cuộc khủng hoảng đồng peso sau đó lại tiếp tục làm trầm trọng hơn các ngành sản xuất trong nước và tăng thất nghiệp.

Mặc dù năng suất trong khu vực sản xuất tăng nhanh, nhưng trái với logic chung, tăng năng suất đã không tạo ra việc làm mới. Các công ty chỉ chú trọng vào việc tăng năng suất hay vào sản lượng một đơn vị lao động bằng cách giảm bớt số lượng lao động khiến các

điều kiện của thị trường lao động bị bóp méo. Hậu quả là thất nghiệp tăng và mức lương giảm. Trong trường hợp của Mexico, năng suất tỉ lệ nghịch với việc làm. Điều này cũng dễ thấy bởi khi mở cửa biên giới, các công ty buộc phải hoạt động hiệu quả và ý thức cạnh tranh cao hơn. Họ nhanh chóng tìm cách giảm chi phí và tăng năng suất và đối với những công ty được hình thành trong một nền kinh tế được bảo hộ cao, chi phí dễ cắt giảm nhất chính là lao động.

Bên cạnh đó, NAFTA còn tạo ra một sự phân phối bất cân bằng về lợi ích giữa các công ty. Các tập đoàn lớn có khả năng tiếp cận nguồn tài chính nước ngoài nên gặt hái được nhiều thành công hơn. 50 công ty hàng đầu chiếm lĩnh tới một nửa số lượng hàng xuất khẩu của Mexico. Còn những công ty nhỏ không có cơ hội để vay mượn do chi phí quá cao nên họ cũng không có khả năng nâng cấp công nghệ. Điều đó lại tạo ra khoảng cách tiền lương cho các công nhân Mexico.

Lực lượng lao động Mexico tăng 4%/năm trong suốt thập kỷ 70-80 và tăng 2-3%/năm trong thập kỷ 90 (so với mức 1%/năm của Mỹ). Xu hướng này cho thấy sự tăng trưởng nhanh trong dân số ở độ tuổi lao động. Tỉ lệ tham gia lực lượng lao động tăng 0,7 điểm %/năm trong thập kỷ 80 và 0,5 điểm %/năm giai đoạn 1991-1995 với cả nam giới và nữ giới.

Trong số 40 triệu người tham gia các hoạt động kinh tế (chiếm 42% dân số Mexico), khoảng 35% làm trong khu vực chính thức, được hưởng lợi ích từ an sinh xã hội và các chương trình tương tự khác; 25% làm trong các doanh nghiệp nhỏ thuộc khu vực bán chính thức, trong đó chỉ có một số ít người được hưởng an sinh xã hội; 40% còn lại không có việc làm hoặc làm trong khu vực phi chính thức. Họ không được hưởng một chút quyền lợi

nào giống như những công nhân làm trong khu vực chính thức.

Việc làm trong khu vực chính thức giảm mạnh trong cuộc suy thoái năm 1995, số công nhân thuộc Cơ quan An sinh Xã hội Mexico (IMSS) giảm 1 triệu người, tương đương với 8%. Lương thực tế, tính theo đồng peso, cũng giảm mạnh ở Mexico trong cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính 1994-1995. Lương sản xuất thực tế giảm gần 20% từ tháng 11/1995 đến tháng 11/1996 và còn giảm mạnh hơn trong suốt năm 1996. Thậm chí đến 3/1997, mức lương vẫn bị giảm tới 23% so với hồi tháng 3/1994.

Tuy lương thực tế giảm 23%, nhưng lương trong khu vực sản xuất liên quan đến xuất khẩu vẫn được trả cao hơn lương trong các khu vực khác ở Mexico. Các công ty lớn chuyên sản xuất hàng xuất khẩu trả lương ở mức tối thiểu cao hơn 11% so với các công ty sản xuất không hướng vào xuất khẩu.⁽⁴⁾

Thời kỳ 1993-1996, có 2.421.055 việc làm mới được tạo ra ở Mexico, trong khi dân số độ tuổi lao động tăng 5.037.735 người. Cũng trong thời gian này, số người thất nghiệp hoàn toàn tăng từ 819.132 người lên 1.354.710. GDP sản xuất tăng 9,9% nhưng số lượng việc làm cũng giảm 9,9%. Tương tự, mặc dù năng suất tăng 12,62%, nhưng lương trung bình thực tế lại giảm 21,9% kể từ khi thực hiện NAFTA.

Khu vực sản xuất là một trong những khu vực năng động nhất. Năng suất tăng nhưng lương trung bình thực tế giảm, thậm chí thấp hơn mức lương của công nhân trong các khu vực khác. Năm 1993, lương trung bình của một công nhân sản xuất ở Mỹ cao hơn gấp 5 lần lương của một công nhân ngành khác. Đến thời kỳ thực hiện NAFTA, lương sản xuất trung bình ở Mexico, tính theo USD Mỹ, giảm 60%.

Xét về các điều kiện lao động ở Mexico, có thể thấy:

- Đa số các công nhân không được hưởng lợi ích: rất nhiều công nhân không được hưởng những ưu đãi tối thiểu như thưởng cuối năm, nghỉ phép và an sinh xã hội. Năm 1996, có 22.673.196 công nhân không nhận được bất kỳ ưu đãi nào. Con số này chiếm 64,88% các công nhân, so với 64,31% năm 1993.

- Số công nhân có thu nhập dưới mức lương tối thiểu tăng: NAFTA chưa có những quy định chặt chẽ nên dẫn đến tình trạng liên tiếp vi phạm và bóp méo các luật lương tối thiểu. Ở Mexico, ngày càng nhiều ông chủ trả thấp hơn mức lương tối thiểu đã quy định. Trong năm 1996, 19,53% số công nhân có thu nhập thấp hơn lương tối thiểu, dẫn đến sức mua giảm.

- Lao động trẻ em vẫn tồn tại: Hiệp định về luật lao động cho phép khiêu nại các trường hợp sử dụng lao động trẻ em. Tuy nhiên, ước tính có tới 10 triệu trẻ em Mexico phải lao động do các điều kiện nghèo khổ của gia đình. Đặc biệt trong những khu vực nông nghiệp như San Quintin ở Baja California, và Culiacan ở Sinaloa, hơn 20% người bản xứ dưới tuổi quy định vẫn phải lao động cực nhọc.⁽⁵⁾

2. Tăng tính bất ổn và phụ thuộc vào vốn của Mỹ

Do phụ thuộc vào kinh tế Mỹ, nền kinh tế xuất khẩu của Mexico trở nên vô cùng nhạy cảm trước những biến đổi trong các chu kỳ của kinh tế Mỹ. Không chỉ các xu hướng tiêu dùng mà cả những thay đổi trong tỷ lệ lãi suất của Mỹ cũng ảnh hưởng đến xuất khẩu của Mexico và khả năng tích lũy của thị trường vốn. Hai nền kinh tế và hai cộng đồng kinh doanh ngày càng trở nên phụ thuộc vào nhau hơn. Nhìn chung, NAFTA đã thúc đẩy sự phụ thuộc của nền kinh tế Mexico và vốn của Mỹ. Tuy nhiên, tác động của nó không chỉ giới hạn trong vấn đề kinh tế mà còn liên quan đến chính trị. Theo

Denis Dresser, Viện Technology Autonomé de Mexico, chính sách đối ngoại tích cực, độc lập và dân tộc chủ nghĩa của Mexico đã bị bỏ rơi sau chương trình cứu trợ của Mỹ cho Mexico năm 1995. Ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của chính quyền Zedillo là tránh các cuộc xung đột ngoại giao bằng cách tích cực giải quyết các vấn đề về ma túy và di cư. Dưới chế độ NAFTA, nhà nước Mexico đã thay đổi quan điểm truyền thống của họ, giảm bớt đầu tư của Mexico ra nước ngoài và tập trung thu hút đầu tư của các nước khác vào Mexico.

3. Bất ổn chính trị xã hội

3.1. Bất bình đẳng xã hội

Trên thực tế, ngoài tác động tạo việc làm trong khu vực xuất khẩu và hiệu quả xã hội, NAFTA cũng tạo sự mất cân đối giữa các thành phần kinh tế, làm tăng khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. NAFTA đã đe dọa đời sống của người nông dân Mexico trong thị trường ngũ cốc do các trang trại khổng lồ của Mỹ có năng suất lớn gấp 6 lần các nhà sản xuất nhỏ của Mexico trên địa hình đồi núi nghèo nàn. Năm 1992, chính quyền Salinas đã sửa đổi Điều 27 trong Hiến pháp, cho phép tư nhân hoá những mảnh đất của cộng đồng người bản xứ và đất đai của nông dân. Chính sách này và việc tự do hoá nhập khẩu hạt ngũ cốc đã làm cho người nông dân và người bản xứ ở Chiapas bị mất đất, mất điều kiện sinh sống cuối cùng của họ.

Mexico được coi là một trong những xã hội hai mặt điển hình ở Mỹ Latinh, thể hiện rõ nhất là những người Mexico rất giàu có sống cách biệt hẳn với những người Mexico nghèo khổ trên các phương diện thu nhập, giáo dục, nhà cửa và lối sống.

Theo phân tích của NBER, cắt giảm thuế giúp tăng lương cho những công nhân có tay nghề, tăng FDI, dẫn đến

tăng nhu cầu về lao động có tay nghề. Do đó có thể thấy giảm thuế và hạn ngạch còn làm thay đổi sự khác biệt về lương giữa các ngành công nghiệp, đặc biệt là làm tăng mức lương của những công nhân làm việc ở những bang dọc biên giới Mexico-Mỹ. Tự do hoá thương mại cho thấy Mexico dễ bị tổn thương trong khu vực sản xuất công nghệ thấp; do đó những nhà sản xuất hàng tiêu dùng căn bản ở khu vực này bị thất bại trước các nhà nhập khẩu, đặc biệt là từ Trung Quốc và một số nước Châu Á. Tuy nhiên, Mexico lại có lợi thế chi phí trong các dịch vụ lắp ráp cho nền kinh tế Mỹ. Vì vậy, ngành sản xuất của Mexico tự điều chỉnh từ sản xuất sản phẩm tiêu dùng đơn giản sang nhà thầu phụ các ngành công nghiệp chủ chốt trong nền kinh tế Bắc Mỹ. Ngoài ra, việc nới lỏng quy chế nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đã đưa các nhà máy ở Mexico trở thành bộ phận của các mạng lưới sản xuất Bắc Mỹ, dẫn đến thay đổi phương thức tiền lương.

Về vấn đề tiền lương, người hưởng lợi đầu tiên là những công nhân có tay nghề, sống gần Mỹ và người đi sau cùng những công nhân có trình độ thấp sống ở nam Mexico. Việc mở cửa ngày một tăng của nền kinh tế Mexico với các nước khác trên thế giới trong hai thập kỷ qua liên tục tạo ra những chấn động về mức lương như: lương tối thiểu giảm, lương vùng dọc biên giới Mỹ-Mexico tăng... tạo ra một khoảng cách tiền lương ở Mexico.⁽⁶⁾

Số lượng các nhà máy nước ngoài hoạt động ở Mexico (hay còn gọi là các maquiladora) tăng từ 2.000 năm 1993 đến 4.300 vào tháng 9/1998. Số lượng nhân viên được tuyển dụng tăng từ 1 triệu đến 3 triệu. Tỷ lệ thất nghiệp của Mexico giảm xuống 2,3% vào tháng 7/1999, mức thấp nhất kể từ cuối 1992. Tuy nhiên, mức lương của công nhân làm việc trong các maquiladora chỉ bằng một nửa mức lương trung bình

của công nhân trong các khu vực sản xuất khác.

Một số bang miền Bắc Mexico như Aguascalientes, Chihuahua, Jalisco, Queretaro và Guanajuato giờ đây đạt lao động toàn dụng nhờ NAFTA. Nhưng điều đó lại chứng tỏ việc hội nhập hơn với Mỹ đã làm tăng sự khác biệt giữa một miền Bắc thịnh vượng ngày càng gắn chặt với nền kinh tế Mỹ và một miền Nam trì trệ với nền nông nghiệp lạc hậu, dẫn đến sự phản kháng xã hội đối với các khu vực nông nghiệp phía nam như Chiapas và Guerrero.

3.2. Tăng số người di cư bất hợp pháp

Hiệp định NAFTA đã có hiệu lực 9 năm nay. Hiệp định đã đạt được các mục tiêu chính về thương mại và đầu tư nhưng cũng làm phát sinh thêm các vấn đề như tăng nghèo đói, bất bình đẳng ở Mexico và hiện tượng di cư bất hợp pháp từ Mexico sang Mỹ.

Thương mại Mexico-Mỹ tăng từ 88 tỉ USD năm 1994 đến 350 tỉ USD năm 2001, nhưng luồng di cư hợp pháp và bất hợp pháp từ Mexico sang Mỹ tăng từ 300.000 đến 500.000 người/năm. Bất bình đẳng khu vực tăng ở vùng phía Bắc Mexico và những vùng liên quan đến hoạt động xuất khẩu, làm chênh lệch hẳn so với các vùng phía Nam và những vùng chỉ phục vụ thị trường trong nước.

Dân số khu vực biên giới Mexico-Mỹ ước tính sẽ tăng gấp đôi, tương đương với 20 triệu dân vào năm 2010. Bang Tabasco, nằm dọc biên giới phía Nam với Guatemala, đã trở thành trung tâm của luồng di cư bất hợp pháp cho những người vùng Trung Mỹ tìm đường qua Mexico để vào Mỹ. Kể từ năm 1995, các cấp chính quyền Mexico đã bắt giữ hơn 23.000 người di cư bất hợp pháp vào Tabasco, nơi có chung 167 dặm đường biên giới với Guatemala, nhưng lại nằm giữa vùng bất ổn dân sự ở Chiapas và vùng rừng rậm Yucatan.

Các quan chức Mexico cho rằng số người di cư bất hợp pháp tăng sẽ kéo theo tình trạng buôn lậu qua Mexico. Những kẻ buôn lậu trả khoảng 2.000 - 3.000 USD để đưa người qua Mexico vào Mỹ. Tháng 3/1998, hai nhân viên canh giữ khu vực biên giới đã bị sa thải sau khi bị phát hiện nhận hối lộ 3.000 USD để cho một chiếc xe tải chở 300 người di cư vào Tabasco.

Di cư từ Mexico sang Mỹ tăng trong thập kỷ 1990, nhưng khó có thể phân tách rõ ràng ảnh hưởng của các yếu tố cung cầu và ảnh hưởng của NAFTA. Chẳng hạn, tỉ lệ thất nghiệp của Mỹ ở mức cao nhất là gần 8% năm 1992 đã giảm nhanh xuống dưới 4% trong thời kỳ 1999-2000, tạo ra nhu cầu về lao động Mexico ở Mỹ. Thực tế ở Mexico còn phức tạp hơn - số lượng việc làm phân chia mất cân đối (chủ yếu chỉ ở phía Bắc), phát triển lệch lạc ở Guadalajara, tình trạng di cư đến Mỹ và lương thực tế giảm trong thời gian 1994-2000.

Một số giải pháp đã được đề ra để ổn định số người Mỹ gốc Mexico, khoảng 9 triệu người, và hợp pháp hoá cho 3-500.000 người/năm. Trong đó có đề xuất cấp giấy phép nhập cư cho những công nhân Mexico đang làm việc tại Mỹ. Về phía mình, Mexico sẽ phải kiểm soát biên giới chặt chẽ hơn để ngăn chặn tình trạng di cư ngày càng gia tăng.

Mexico thiếu việc làm trong khu vực chính thức. Theo Thống kê lực lượng lao động của OECD, Mexico có lực lượng lao động là 39 triệu người năm 2001, trong đó 38 triệu người có việc làm (gồm 6,7 triệu trong ngành nông nghiệp; 9,9 triệu trong ngành công nghiệp; và 21,4 triệu trong ngành dịch vụ). Lực lượng lao động Mexico tăng từ 33,6 triệu năm 1994 lên 39 triệu năm 2001. Số phụ nữ trong lực lượng lao động Mexico tăng 2,7 triệu, từ 10,6 triệu lên 13,3 triệu; và số nam giới tăng 2,5 triệu, từ 23 đến 25,5 triệu. Lực

lượng lao động Mỹ là 131 triệu năm 1994 và 142 triệu năm 2001; Canada là 14,6 triệu năm 1994 và 16,2 triệu năm 2001.⁽⁷⁾

Trong số 31 bang của Mexico, những bang dẫn đầu về số người di cư sang Mỹ là khu vực trung Tây Mexico như Guanajuato, Jalisco, Michoacan, Nayarit và Zacatecas. Những bang này đã đưa ra các chương trình sử dụng nguồn tiền chuyển được từ di cư để thúc đẩy phát triển kinh tế. Chẳng hạn, Guanajuato sử dụng tiền nhận được từ các hội di cư của bang để nâng cấp cơ sở hạ tầng và 9 triệu USD nhận được năm 2002 đã được sử dụng cùng các quỹ của bang và liên bang để sửa chữa cầu cảng, điện, nước, đường sá và nhà thờ.

Việc hồi hương của những người di cư đã trở thành một thể chế ở Mexico. Năm 1990, chính phủ đã phát động chương trình Paisano để chào đón những người di cư về nước và bắt đầu từ năm 2000, Tổng thống Mexico Fox đã đón những người trở về tại biên giới Mỹ, khuyến khích họ mang thêm ngoại tệ về Mexico.

4. NAFTA và vấn đề môi trường ở Mexico

Trong cuộc thương lượng NAFTA, chính phủ Mexico, Mỹ và Canada đã đưa ra nhiều cam kết bảo đảm rằng Hiệp định NAFTA không chỉ thúc đẩy thương mại và đầu tư mà còn nỗ lực cải thiện các điều kiện môi trường ở Mexico. Nhưng trên thực tế, thương mại và đầu tư tăng đã làm trầm trọng thêm các vấn đề môi trường của Mexico vốn tích tụ từ nhiều năm nay.

Theo nhìn nhận của chính phủ Mexico, tình trạng suy thoái môi trường của nước này đang ở mức báo động. Do lợi ích thương mại và tài chính được đặt lên hàng đầu nên nhiều điều luật về môi trường không được thực thi. Trong một số trường hợp, khi người dân vùng lân cận khiếu nại về tình trạng ô

nhiệm môi trường luôn tái diễn phát sinh từ nhà máy sản xuất thuốc trừ sâu gần nơi họ sống, Văn phòng Luật sư Liên bang bảo vệ môi trường Mexico đã ra quyết định di chuyển toàn bộ các khu dân cư đến nơi khác để ưu tiên cho công ty này tiếp tục hoạt động. Đây chủ yếu là những tập đoàn đa quốc gia. Cơ quan bảo vệ môi trường Mỹ đã phân loại những công ty sử dụng nhiều chất độc và các quy trình có nguy hại cao, nhất là những công ty trong ngành điện tử, dệt may và hoá chất. Tuy nhiên, theo thống kê chính thức, chỉ có 10% trong số 7 triệu tấn chất thải độc hại mà các công ty này thải ra là được xử lý hợp lệ. Trước khi NAFTA đi vào hiệu lực, chính phủ Mỹ hứa hẹn sẽ dành hơn 20 tỉ USD đầu tư cải thiện những điều kiện môi trường dọc biên giới Mỹ-Mexico. Nhưng cho đến nay, con số đầu tư này là chưa đáng kể và khu vực biên giới phía Bắc Mexico vẫn nằm trong tình trạng báo động về môi trường.

Các công cụ môi trường của NAFTA gồm Ngân hàng phát triển Bắc Mỹ (North American Development Bank - NADBank), và Ủy ban hợp tác Môi trường vùng biên giới (Border Environmental Cooperation Commission - BECC). Chính quyền Clinton đã đề xuất tạo ra các tổ chức này với hy vọng biến NAFTA thành một "hiệp định thương mại xanh" có hiệu quả nhất từ trước đến nay. Song các tổ chức này hoạt động trái với mong muốn chung và xa thực tiễn của môi trường vùng biên giới. Sau 3 năm tồn tại, họ vẫn chưa xây dựng được một cơ chế nào cho môi trường.⁽⁸⁾ Có thể thấy chưa một dự án môi trường vùng biên giới nào cải thiện đời sống cho 10 triệu người dân ở đây được Ngân hàng phát triển Bắc Mỹ tài trợ, trong khi ngân hàng này được phép cho vay tới 3 tỉ USD. Ủy ban hợp tác môi trường biên giới đã chứng nhận 21 dự án môi trường với chi phí 473 triệu USD⁽⁹⁾, bao gồm các nhà máy xử

lý chất thải ở Tijuana và Juarez, nhưng NADB vẫn chưa cung cấp phí để thực hiện các dự án này, một phần do ở Mexico vẫn chưa có một cơ chế thu thuế hay phí để chi trả cho các dự án này.

Chính quyền Clinton gặp khó khăn trong việc giành được sự ủng hộ của Quốc hội trong quyền đàm phán nhanh mậu dịch tự do, một phần do thất bại của NADB và các chương trình đào tạo việc làm nhằm hỗ trợ các cộng đồng và công nhân Mỹ. Nhìn chung, NAFTA làm tăng số lượng việc làm ở Mỹ và Canada, nhưng đồng thời cũng làm giảm khoảng 300.000 việc làm ở cả hai nước này kể từ năm 1994 và chỉ khoảng 40.000 trong số 187.000 công nhân Mỹ được chứng thực là những người mất việc làm do tác động của NAFTA và được hưởng trợ cấp của các chương trình NADB.

Vùng biên giới Mexico đang phải đối mặt với 6 năm hạn hán, làm giảm số lượng gia cầm ở Sonora xuống 1/3 kể từ năm 1994. Do đó, người nông dân phải bán gia cầm vì không đủ khả năng nuôi chúng. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp ước tính Mexico sẽ nhập khẩu khoảng 14,5 triệu tấn ngũ cốc năm 1998, tăng 17% so với năm 1997.

Bên cạnh NAFTA còn có Hiệp định Bắc Mỹ về hợp tác môi trường - North American Agreement on Environmental Cooperation (NAAEC). Hiệp định này ra đời nhằm mục đích xây dựng cơ chế khiếu nại về vấn đề môi trường của các công dân Mexico. Nhưng do thiếu một nền tảng pháp lý mạnh nên hoạt động của Hiệp định này cũng rất hạn chế. Sự thiếu hợp nhất các chính sách môi trường, thương mại và kinh tế dẫn tới làm suy yếu các nguồn lực con người, xã hội và môi trường. Bên cạnh đó, NAFTA cho phép chính phủ Mexico tiếp tục đưa ra các chính sách thu hút đầu tư không yêu cầu các nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài phải gánh chịu các chi phí về môi trường này. Theo đó, số lượng các công

tý nước ngoài tái định cư sản xuất ở Mexico để tận dụng các chi phí thấp về môi trường và lao động ở đây ngày một tăng. Tình trạng xuống cấp môi trường đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều kiện sống của các cộng đồng biên giới. Nhiều bệnh truyền nhiễm phát triển do thiếu nước uống an toàn và một số trẻ em sinh ra bị dị tật có nguyên nhân từ các chất hoá học độc hại trong môi trường.

V. Kết luận

Sau 10 năm thực hiện, NAFTA đã tạo ra những thay đổi lớn lao đối với cả nền kinh tế Mexico và hệ thống chính trị xã hội của nó. Tác động của NAFTA vừa có mặt tích cực, lại vừa có mặt tiêu cực. *Thứ nhất*, NAFTA đã góp phần biến Mexico thành một trong những nước giao dịch thương mại lớn, là nhà xuất khẩu lớn thứ 5 trên thế giới. *Thứ hai*, NAFTA đã tạo ra cho Mexico một môi trường hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài. *Thứ ba*, NAFTA đã thúc đẩy sự hợp tác giải quyết khủng hoảng quốc tế, bằng chứng là việc Mỹ đã hỗ trợ Mexico khi họ bị rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính cuối năm 1994. Thêm vào đó, NAFTA còn củng cố việc nói lỏng quy chế và tăng cường tính minh bạch trong quá trình hoạch định chính sách ở Mexico.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế xã hội ở Mexico vẫn chưa thực sự đạt được tiến bộ. *Thứ nhất*, ngay từ đầu người ta đã hy vọng tác động của NAFTA đến Mexico sẽ lớn hơn ở Mỹ vì nền kinh tế Mỹ lớn gấp 20 lần kinh tế Mexico và hai nền kinh tế này mang tính bổ sung nhau. Nhưng quá trình điều chỉnh trong khu vực sản xuất đã làm nhiều công nhân tay nghề thấp bị mất việc làm, dẫn đến thất nghiệp tăng. *Thứ hai*, khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ngày một lớn, tạo ra sự bất ổn xã hội chính trị ngày một tăng. *Thứ ba*, những thành công kinh tế hiện nay của Mexico có xu hướng phụ thuộc hơn

vào vốn của Mỹ và dễ tổn thương trước những chấn động từ bên ngoài.

Thời điểm thiết lập NAFTA trùng với quá trình tự do hoá thương mại đơn phương của Mexico và đồng peso bị giảm giá mạnh trong cuộc khủng hoảng tài chính. Điều này khiến cho việc đánh giá những tác động của NAFTA đến Mexico gặp nhiều khó khăn hơn ■

Chú thích:

- (1) Business Facilities, Monday 17/11/2003
- (2) Kim, Won-Ho, KIEP working paper 00-05, <http://www.kiep.go.kr>
- (3) Tucson Citizen, www.tucsoncitizen.com
- (4) SICE. 1997. Study on the Operation and effects of the NAFTA: Chapter 1, Part 2.
- (5) [Http://www.igc.org/dgap/heredia_nafta.html](http://www.igc.org/dgap/heredia_nafta.html).
- (6) National Bureau of Economic Research, 17/11/2003. *What happened to wages in Mexico since NAFTA*.
- (7) Migration News, January 2003, Volume 10 Number 1.
- (8) Heredia, Carlos. 2001. "The Mexican Economy: Six years into NAFTA."
- (9) Migration News, August 1998, Volume 5 Number 8.

Tài liệu tham khảo:

1. Dresser, Denise. 1998. "Post-NAFTA Politics in Mexico". In Carol Wise, ed. *The Post-NAFTA Political Economy: Mexico and the Western Hemisphere*. University Park: The Pennsylvania State University Press. pp.221-256.
2. Heath, Jonathan. 1998. "The Impact of Mexico's Trade Liberalization: Jobs, Productivity, and Structural Change". In Carol Wise, ed. *The Post-NAFTA Political Economy: Mexico and the Western Hemisphere*. University Park: The Pennsylvania State University Press. pp. 171-200.
3. Kim, Won-Ho. June 2000. KIEP working paper <http://www.kiep.go.kr>. Klein, Lawrence R., and Dominick Salvatore. 1995. "Welfare Effects of the North American Free Trade Agreement". *Journal of Policy Modeling*. pp. 163-176.
4. Migration News, January 2003, Volume 10 Number 1.
5. Migration News, August 1998, Volume 5 Number 8.
6. Morales, Isidro. 1999. "NAFTA: The Governance of Economic Openness". *The Annals of the American Academy of Political and Social Science*. 565. Pp. 48-52.
7. Pastor, Jr., Manuel and Carol Wise. 1998. "Mexican - Style Neoliberalism". In Carol Wise, ed. *The Post-NAFTA Political Economy: Mexico and the Western Hemisphere*. University Park: The Pennsylvania State University Press. pp. 41-81.
8. SHCP (Secretaria de Hacienda y Credito Pblco). 1999. *Mexico-s Bimonthly Economic News*. November 1.